

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định về báo cáo định kỳ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ như sau:

I. Về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

1. Về kiểm soát ban hành quy định TTHC:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi không xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 01b/VPCP/KSTT, Biểu số 02c/VPCP/KSTT).

2. Về công bố, công khai và nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

- *Công bố Danh mục TTHC:* Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 09 quyết định công bố danh mục 102 TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và 29 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 06 sở: Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Tư pháp, Y tế và 02 đơn vị: Ban Dân tộc, UBND cấp xã.

- *Công khai TTHC:* Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, đều đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công tỉnh; các sở đăng tải trên trang thông tin của đơn vị mình và thực hiện niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết. Bên cạnh niêm yết TTHC, các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện niêm yết bảng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân về quy định hành chính để đảm bảo quyền được phản ánh, kiến nghị của người dân khi thực hiện TTHC.

- *Nhập dữ liệu TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia:* Thực hiện nhập, đăng tải công khai kịp thời TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, cụ thể: tích hợp, nhập sửa đổi, bổ sung thông tin của 102 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 03b/VPCP/KSTT).

3. Về tình hình và kết quả giải quyết TTHC:

- Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là **386.404** hồ sơ (*theo số liệu thống kê của 18/18 sở, ban, ngành; 11/14 huyện, thành phố*). Trong đó, số hồ sơ mới tiếp nhận: 355.282 hồ sơ; số hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyên qua: 28.426 hồ sơ; số mới tiếp nhận trực tuyến: 2.696 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết TTHC:

+ Số hồ sơ đã giải quyết là **378.288** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 375.761 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 2.527 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết là **8.116** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ chưa đến hạn: 6.804 hồ sơ, số hồ sơ đã quá hạn: 1.312 hồ sơ.

+ Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa: **311.332** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 302.356 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 2.471 hồ sơ và số hồ sơ đang giải quyết: 6.505 hồ sơ.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH, Biểu số 06g/VPCP/KSTT).

4. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC:

Trong 6 tháng năm 2019, tiếp nhận và chuyên xử lý hơn 55 phản ánh về hành vi hành chính liên quan đến lĩnh vực: đất đai, bảo trợ xã hội, người có công, cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ và đã xử lý xong; đã chủ động xử lý nhanh nhiều trường hợp thông qua đường dây nóng kết nối với người làm đầu mối kiểm soát TTHC, người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị để giải quyết ngay tại chỗ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết phản ánh cho công dân và hạn chế phát sinh đơn thư phản ánh.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 05b/VPCP/KSTT).

5. Về tình hình rà soát, đánh giá TTHC:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 11/02/2019*), yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương gắn với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, trong đó gắn với chỉ tiêu phấn đấu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương. Tại Kế hoạch, xác định cụ thể 08 nhóm quy định, TTHC trọng tâm thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm 2019; ngoài ra, yêu cầu các sở, ban, ngành còn lại, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chủ động quyết định việc rà soát các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của cơ quan, địa phương mình. Hiện tại, các cơ quan, đơn vị và địa phương ban hành văn bản và đang triển khai thực hiện.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 04b/VPCP/KSTT).

6. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC:

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2019 truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh để định hướng cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019; thực hiện Kế hoạch, các sở, ban, ngành và địa phương đã ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông để tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính, cải cách TTHC tại cơ quan, địa phương mình.

- Bên cạnh đó, Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, Đài truyền hình Việt Nam VTV8 đưa tin và thực hiện chuyên mục tuyên truyền: Công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, Bộ phận Một cửa các cấp, việc triển khai kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của UBND tỉnh; việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, đăng ký biện pháp bảo đảm do hộ gia đình, cá nhân thực hiện trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

7. Về công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 (*Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 14/02/2019*), giao Văn phòng UBND tỉnh trong quý III, IV chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ 04 đơn vị, trong đó tập trung vào kiểm tra lĩnh vực đất đai và kiểm tra đột xuất đối với một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của một số cơ quan, đơn vị, địa phương khi có phản ánh, kiến nghị trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC hoặc qua phản ánh của các cơ quan thông tin báo chí.

8. Về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khác:

a) Ban hành văn bản thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 30/01/2019*); Kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 14/02/2019*); Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 11/02/2019*) và Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2019*); hướng dẫn về xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC (*Công văn số: 2069/UBND-KGVX ngày 26/4/2019, 2322/UBND-KSTTHC ngày 13/5/2019*) và đơn đốc các sở, ban, ngành và địa phương khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ

được giao về công tác kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh (*Công văn số 3414/UBND-KSTTHC ngày 19/6/2019*).

- UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Trung ương giao như: Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*Công văn số 235/VP-KSTTHC ngày 28/02/2019*); đơn đốc thực hiện nhiệm vụ công bố, công khai TTHC (*Công văn số 234/VP-KSTTHC ngày 28/02/2019*); cung cấp danh sách doanh nghiệp thực hiện TTHC (*Công văn số 1499/UBND-KSTTHC ngày 28/3/2019*); triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (*Công văn số 1527/UBND-KSTTHC ngày 01/4/2019*); xin ý kiến của Văn phòng Chính phủ về thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 62/LĐTĐ-BHXH-VL (*Công văn số 2312/UBND-HCC ngày 13/5/2019*) và tham vấn ý kiến của Cục Kiểm soát TTHC - VPCP về thực hiện thí điểm giao bưu chính công ích tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC thay thế cho một số cơ quan có số lượng hồ sơ giao dịch ít (*Công văn số 642/VP-HCC ngày 22/5/2019*).

Đồng thời, đề xuất danh mục TTHC trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt (*Công văn số 7719/UBND-KSTTHC ngày 19/12/2018*); tham gia góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP (*Công văn số 863/UBND-KSTTHC ngày 28/02/2019*).

- Kiện toàn hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh khi có thay đổi vị trí công tác, chức vụ, nhiệm vụ được giao (*Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 07/6/2019*).

b) Thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước:

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở cho việc rà soát, đơn giản hóa và Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ, Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 15/5/2019 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND. Thực hiện yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 3854/VPCP-KSTT ngày 09/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP (*Công văn số 2322/UBND-KSTTHC ngày 13/5/2019*) và hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang lấy ý kiến của Văn phòng Chính phủ đối với dự thảo quy định chế độ báo cáo định kỳ

phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh (*Công văn số 2711/UBND-KSTTHC ngày 30/5/2019*).

II. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

1. Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; ký thỏa thuận hợp tác khai thác ứng dụng phần mềm Zalo phục vụ công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi (*Công văn số 7903/UBND-HCC ngày 27/12/2018*) và triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 3854/VPCP-KSTT ngày 09/5/2019 (*Công văn số 2322/UBND-KSTTHC ngày 13/5/2019*).

2. Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

a) Về hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (Trung tâm):

Thực hiện chuyển các TTHC về lĩnh vực đất đai, lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm do hộ gia đình, cá nhân thực hiện trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi tham mưu giải quyết và TTHC về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của UBND thành phố Quảng Ngãi hiện đang được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công thành phố Quảng Ngãi sang thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi kể từ ngày 01/7/2019 (*Công văn số 1824/UBND-KSTTHC ngày 16/4/2019*).

b) Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Trung tâm đã đón tiếp hơn 30.500 lượt người đến liên hệ, thực hiện TTHC, trong đó đã tiếp nhận 30.219 hồ sơ (*kỳ trước chuyển qua là 1.370 hồ sơ*); đã giải quyết 28.004 hồ sơ (*trung bình mỗi ngày tiếp nhận và trả kết quả gần 300 hồ sơ*); hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn và trước hạn so với quy định đạt tỷ lệ 95,5%; số hồ sơ đang giải quyết 2.213 hồ sơ. Trong đó:

- Phối hợp với Bưu điện thực hiện chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu điện 2.082 hồ sơ theo yêu cầu của người dân, tổ chức và tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu điện 1.316 hồ sơ.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ 5.542 hồ sơ, trong đó cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh Quảng Ngãi 2.110 hồ sơ (*thuộc thẩm quyền giải*

quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); lĩnh vực xúc tiến thương mại 3.432 hồ sơ (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương).

- Đã tiếp nhận 2.319 hồ sơ nộp trực tuyến, tập trung vào các thủ tục thuộc lĩnh vực: Đăng ký tàu cá; cấp giấy phép khai thác thủy sản, gia hạn giấy phép khai thác thủy sản; chăn nuôi và thú y; cấp đổi phù hiệu xe; lao động việc làm, lý lịch tư pháp; xúc tiến thương mại; thành lập và hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với hồ sơ liên thông: Trung tâm đã phối hợp với các sở tiếp nhận, chuyển trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 509 hồ sơ; đã giải quyết và trả kết quả 481 hồ sơ, phần lớn hồ sơ đều được giải quyết trước hạn trong thời gian 03 ngày làm việc trở lại.

- Có 10.711 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó mức độ rất hài lòng và hài lòng chiếm tỷ lệ gần 100% (mức độ rất hài lòng: 9.935 lượt; mức độ hài lòng: 766 lượt; mức độ bình thường: 09 lượt; không hài lòng: 01 lượt).

c) Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã:

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (bao gồm Trung tâm hành chính công của 03 huyện, thành phố: Đức Phổ, Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi).

d) Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến:

- UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong việc giải quyết TTHC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 23/01/2019 về việc tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (Công văn số 1117/UBND-KGVX ngày 13/3/2019).

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận, giải quyết 2.696 hồ sơ trực tuyến, tập trung vào các lĩnh vực như: Đăng ký tàu cá; cấp giấy phép khai thác thủy sản, gia hạn giấy phép khai thác thủy sản; chăn nuôi và thú y; cấp đổi phù hiệu xe; lao động việc làm, lý lịch tư pháp; xúc tiến thương mại; thành lập và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp:

Thực hiện quy định của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã lồng ghép việc công bố danh mục TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp chính quyền địa phương với công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Cụ thể:

- Cấp tỉnh: Công bố 85 TTHC đưa vào thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm của 06 sở; trong đó có 03 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Cấp xã: Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục 15 nhóm TTHC liên thông về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí và 02 TTHC trong lĩnh vực dân tộc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.

4. Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông:

Triển khai thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí (Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/12/2018); ngày 01/3/2019, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 246/VP-KSTTHC đề nghị các Sở: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh khẩn trương phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và ngày 24/5/2019 Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục nhóm TTHC liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 728/QĐ-UBND).

III. Đánh giá về tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông 6 tháng đầu năm 2019

1. Công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trong 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, chỉ số cải cách hành chính, phần lớn các cơ quan trên địa bàn tỉnh đều đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC theo quy định mới tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP được thực hiện kịp thời. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh về TTHC tiếp tục được thực hiện có hiệu quả.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hầu hết TTHC thuộc thẩm quyền của 16 sở thuộc UBND tỉnh; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định, thực hiện thông báo công khai văn bản xin lỗi của các cơ quan đề tổ chức, cá nhân biết, đồng thời hệ thống tổng đài của Trung tâm cũng tự động nhắn tin xin lỗi gửi đến tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng phục vụ người dân, doanh

nghiệp và được Nhân dân đánh giá cao.

IV. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2019

Trong 6 tháng cuối năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh: Ban hành Quy định thu phí, lệ phí bằng biên lai tự in trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; bãi bỏ Quy chế phối hợp công bố, công khai TTHC và báo cáo việc thực hiện kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tiếp tục xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC và thực hiện đánh giá chất lượng việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

3. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC như: Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC; rà soát, đánh giá, kiến nghị đơn giản hóa quy định pháp luật về TTHC, nhất là rà soát rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC trở lên trong khung thời gian quy định của Trung ương, tập trung ở các lĩnh vực: đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, sở hữu nhà ở, quản lý thị trường, thuế, y tế...; rà soát, đánh giá sự phù hợp của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC với triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và có kế hoạch triển khai để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở cấp độ 4 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể: Theo dõi, kiểm soát tốt hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tại Trung tâm, phấn đấu khắc phục giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, quá hạn ở mức 2% trở lại; tăng tỷ lệ hồ sơ thực hiện qua dịch vụ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; thực hiện kết nối hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để phục vụ cho công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành của tỉnh, hướng đến kết nối với Bộ phận Một cửa cấp xã; bổ sung việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC của một số cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, TTHC được Trung ương phân cấp cho địa phương quyết định hoặc tiếp nhận hộ, TTHC thực hiện liên thông vào thực hiện tại Trung tâm; hoàn thiện cơ chế, chính sách, điều kiện hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh theo quy định của Trung ương và theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC tại Trung tâm.

5. Hoàn thành ban hành văn bản quy định về chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Văn phòng Chính phủ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, NC, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC_(latin115).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

Biểu số 02c/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG
CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2019

(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/6/2019)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số						
1		0	0	0	0	0	0

Biểu số 05b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/6/2019)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn
phòng UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm
soát TTHC).

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Stt	Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
		Tổng số	Chia ra		Đã xử lý				Đang xử lý				
			Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
						Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
TỔNG		55	53	02	55	53	02	55	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực đất đai	51	51	0	51	51	0	51	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực người có công	01	01	0	01	01	0	01	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	01	01	0	01	01	0	01	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	02	0	02	02	0	02	02	0	0	0	0	0

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/6/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
	Tổng cộng	386.404	2.696	28.426	355.282	378.288	375.761	2.527	8.116	6.804	1.312	311.332	302.356	2.471	6.505
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	40046	2319	1382	36345	37938	36968	970	2108	1708	400	38334	35272	965	2097
I	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết	223	0	0	223	182	178	4	41	41	0	188	143	4	41
1	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	154	0	0	154	116	113	3	38	38	0	154	113	3	38
2	Lĩnh vực tôn giáo	33	0	0	33	30	29	1	3	3	0	33	29	1	3

3	Lĩnh vực văn thư, lưu trữ	35	0	0	35	35	35	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
II	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết	6163	0	527	5636	5734	5536	198	429	294	135	4841	4214	198	429
1	Lĩnh vực hành nghề công chứng	6	0	0	6	6	4	2	0	0	0	6	4	2	0
2	Lĩnh vực luật sư	11	0	2	9	8	4	4	3	0	3	11	4	4	3
3	Lĩnh vực giám định tư pháp	2	0	1	1	0	0	0	2	1	1	2	0	0	2
4	Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
5	Lĩnh vực tư vấn pháp luật	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
6	Lĩnh vực bán đấu giá tài sản	4	0	0	4	1	1	0	3	3	0	4	1	0	3
7	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	4812	0	524	4288	4391	4199	192	421	290	131	4812	4199	192	421
8	Lĩnh vực quốc tịch	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
9	Lĩnh vực công chứng	1149	0	0	1149	1149	1149	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	168	0	0	168	168	168	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực thanh tra	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
III	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải	3183	471	129	2583	2978	2947	31	205	164	41	3183	2947	31	205

	quyết														
1	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	2753	471	0	2282	2753	2753	0	0	0	0	2753	2753	0	0
2	Lĩnh vực dự án đầu tư	41	0	20	21	11	10	1	30	30	0	41	10	1	30
3	Lĩnh vực đấu thầu	144	0	9	135	122	114	8	22	19	3	144	114	8	22
4	Lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
5	Lĩnh vực đầu tư	243	0	100	143	90	68	22	153	115	38	243	68	22	153
IV	TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận và giải quyết	266	0	0	266	216	175	41	50	50	0	267	175	41	50
1	Lĩnh vực tin học và thống kê	213	0	0	213	177	142	35	36	36	0	214	142	35	36
2	Lĩnh vực tài chính đầu tư	18	0	0	18	16	14	2	2	2	0	18	14	2	2
3	Lĩnh vực quản lý giá và công sản	35	0	0	35	23	19	4	12	12	0	35	19	4	12
V	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết	4453	977	0	3476	4445	4445	0	8	8	0	4453	4445	0	8
1	Lĩnh vực kinh doanh khí	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực quản lý cạnh tranh	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
3	Lĩnh vực lưu thông	64	0	0	64	62	62	0	2	2	0	64	62	0	2

	hàng hóa trong nước														
4	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	49	0	0	49	48	48	0	1	1	0	49	48	0	1
5	Lĩnh vực thương mại quốc tế	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
6	Lĩnh vực điện	23	0	0	23	19	19	0	4	4	0	23	19	0	4
7	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	4276	977	0	3299	4275	4275	0	1	1	0	4276	4275	0	1
8	Lĩnh vực VL NCN và tiền chất thuốc nổ	28	0	0	28	28	28	0	0	0	0	28	28	0	0
VI	TTHC do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết	4819	870	53	3896	4761	4756	5	58	57	1	4819	4756	5	58
1	Lĩnh vực thủy sản	2374	326	29	2019	2338	2336	2	36	36	0	2374	2336	2	36
2	Lĩnh vực lâm nghiệp	8	0	6	2	7	6	1	1	1	0	8	6	1	1
3	Lĩnh vực thủy lợi	11	0	0	11	2	2	0	9	8	1	11	2	0	9
4	Lĩnh vực nông thôn mới	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
5	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	32	0	5	27	32	31	1	0	0	0	32	31	1	0
6	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y	2209	544	3	1662	2200	2199	1	9	9	0	2209	2199	1	9
7	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	135	0	4	131	132	132	0	3	3	0	135	132	0	3
8	Lĩnh vực đê điều	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
9	Lĩnh vực phân bón	44	0	5	39	44	44	0	0	0	0	44	44	0	0
VII	TTHC do Sở Giao thông vận tải tiếp	13993	0	1	13992	13988	13986	2	5	5	0	13993	13986	2	5

	nhận và giải quyết														
1	Lĩnh vực đăng kiểm	7961	0	0	7961	7961	7961	0	0	0	0	7961	7961	0	0
2	Lĩnh vực đường bộ	5974	0	0	5974	5974	5974	0	0	0	0	5974	5974	0	0
3	Lĩnh vực đường thủy nội địa	18	0	0	18	18	16	2	0	0	0	18	16	2	0
4	Lĩnh vực xây dựng thẩm định dự án, thiết kế, dự toán	30	0	1	29	25	25	0	5	5	0	30	25	0	5
5	Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
VIII	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết	911	0	184	727	722	467	255	189	145	44	911	467	255	189
1	Lĩnh vực xây dựng	867	0	173	694	691	444	247	176	136	40	867	444	247	176
2	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	22	0	9	13	12	4	8	10	7	3	22	4	8	10
3	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	20	0	1	19	19	19	0	1	1	0	20	19	0	1
4	Lĩnh vực nhà ở và bất động sản	2	0	1	1	0	0	0	2	1	1	2	0	0	2
IX	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết	1175	0	365	810	796	747	49	379	356	23	1175	747	49	379
1	Lĩnh vực đất đai	578	0	214	364	336	298	38	242	224	18	578	298	38	242
2	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	205	0	35	170	180	180	0	25	25	0	205	180	0	25
3	Lĩnh vực khoáng sản	54	0	34	20	22	20	2	32	30	2	54	20	2	32
4	Lĩnh vực môi trường	220	0	66	154	157	150	7	63	61	2	220	150	7	63

5	Lĩnh vực tài nguyên nước	43	0	16	27	26	24	2	17	16	1	43	24	2	17
6	Lĩnh vực đăng ký biện pháp đảm bảo	75	0	0	75	75	75	0	0	0	0	75	75	0	0
X	TTTC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và giải quyết	58	0	2	56	56	55	1	2	2	0	58	55	1	2
1	Lĩnh vực báo chí	12	0	0	12	11	11	0	1	1	0	12	11	0	1
2	Lĩnh vực in, xuất bản và phát hành	45	0	2	43	44	43	1	1	1	0	45	43	1	1
3	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XI	TTTC do Sở Lao động - Thương binh và xã hội tiếp nhận, giải quyết	3043	0	0	3043	2442	2093	349	601	446	155	3043	2093	349	601
1	Lĩnh vực việc làm - an toàn lao động	1430	0	0	1430	1411	1386	25	19	19	0	1430	1386	25	19
2	Lĩnh vực lao động - tiền lương	32	0	0	32	32	32	0	0	0	0	32	32	0	0
3	Lĩnh vực người có công	1530	0	0	1530	948	624	324	582	427	155	1530	624	324	582
4	Lĩnh vực thanh tra	50	0	0	50	50	50	0	0	0	0	50	50	0	0
5	Lĩnh vực dạy nghề	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XII	TTTC do Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết	286	0	10	276	277	270	7	9	9	0	286	270	7	9
1	Lĩnh vực di sản văn	3	0	0	3	3	2	1	0	0	0	3	2	1	0

	hóa														
2	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	1	0	1	0
3	Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn	29	0	0	29	28	28	0	1	1	0	29	28	0	1
4	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	220	0	7	213	213	210	3	7	7	0	220	210	3	7
5	Lĩnh vực thể dục thể thao	3	0	0	3	2	1	1	1	1	0	3	1	1	1
6	Lĩnh vực lễ hành	28	0	1	27	28	27	1	0	0	0	28	27	1	0
7	Lĩnh vực khách sạn	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
XIII	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và giải quyết	84	0	0	84	82	81	1	2	2	0	84	81	1	2
1	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	48	0	0	48	48	47	1	0	0	0	48	47	1	0
2	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
3	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	9	9	0	0
4	Lĩnh vực công nghệ	5	0	0	5	3	3	0	2	2	0	5	3	0	2
XIV	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết	296	0	0	296	288	285	3	8	8	0	296	285	3	8
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	82	0	0	82	74	72	2	8	8	0	82	72	2	8

2	Lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ	214	0	0	214	214	213	1	0	0	0	214	213	1	0
XV	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận và giải quyết	726	0	95	631	616	597	19	110	110	0	726	597	19	110
1	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	61	0	4	57	47	47	0	14	14	0	61	47	0	14
2	Lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm	359	0	43	316	331	328	3	28	28	0	359	328	3	28
3	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	306	0	48	258	238	222	16	68	68	0	306	222	16	68
XVI	TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết	11	1	0	10	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
1	Lĩnh vực xuất nhập cảnh	2	1	0	1	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
2	Lĩnh vực thông tin đối ngoại	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
3	Lĩnh vực hoạt động phi chính phủ nước ngoài	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
XVII	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận và giải quyết	281	0	8	273	269	268	1	12	11	1	0	0	0	0
1	Lĩnh vực tiếp công dân	62	0	0	62	62	62	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực xử lý đơn thư	176	0	0	176	176	176	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực rà soát, tham mưu xử lý đơn	30	0	7	23	22	22	0	8	8	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực giải quyết	13	0	1	12	9	8	1	4	3	1	0	0	0	0

	kiểu nại														
XVIII	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	75	0	8	67	75	71	4	0	0	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực đầu tư	30	0	2	28	30	29	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực tài nguyên môi trường	11	0	2	9	11	8	3	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng	31	0	4	27	31	31	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực quản lý doanh nghiệp	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TTTC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (11/14 huyện, thành phố)	66111	335	20689	45087	62281	61115	1166	3830	3149	681	32293	27840	1212	3241
1	Lĩnh vực nội vụ-tôn giáo	166	0	4	162	166	166	0	0	0	0	153	153	0	0
2	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	2000	0	23	1977	1991	1991	0	9	9	0	1985	1971	0	14
3	Lĩnh vực tài chính - kế hoạch và đầu tư	299	0	22	277	295	295	0	4	4	0	272	272	0	0
4	Lĩnh vực công nghiệp, thương mại	79	0	8	71	67	67	0	12	12	0	62	50	0	12
5	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	1966	37	35	1894	1442	1440	2	524	519	5	1887	1358	2	527
6	Lĩnh vực giao thông	21	0	0	21	21	21	0	0	0	0	21	16	0	5
7	Lĩnh vực tư pháp	10789	0	29	10760	10787	10781	6	2	2	0	5668	5660	6	2
8	Lĩnh vực y tế	18470	0	18461	9	18470	18470	0	0	0	0	2	2	0	0
9	Lĩnh vực văn hóa -	15	0	0	15	15	15	0	0	0	0	6	6	0	0

	thông tin														
10	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp	10	0	0	10	9	9	0	1	1	0	10	9	0	1
11	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	109	0	14	95	96	94	2	13	7	6	45	38	2	5
12	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	2694	0	199	2495	2684	2644	40	10	10	0	2468	2418	40	10
13	Lĩnh vực đất đai	14201	292	1551	12358	11177	10069	1108	3024	2356	668	13495	9730	1157	2608
14	Lĩnh vực giáo dục-đào tạo	2059	0	0	2059	2058	2058	0	1	1	0	428	428	0	0
15	Lĩnh vực lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp	29	0	0	29	29	29	0	0	0	0	22	22	0	0
16	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	10617	0	303	10314	10568	10564	4	49	48	1	5197	5150	4	43
17	Lĩnh vực người có công	787	0	6	781	772	771	1	15	15	0	568	555	1	12
18	Lĩnh tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	1800	6	34	1760	1634	1631	3	166	165	1	4	2	0	2
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	280247	42	6355	273850	278069	277678	391	2178	1947	231	240705	239244	294	1167
1	Lĩnh vực hành chính tư pháp	47026	0	471	46555	47026	47022	4	0	0	0	39698	39691	6	1
2	Lĩnh vực chứng thực	203116	0	4807	198309	203105	203104	1	11	11	0	178033	178017	7	9
3	Lĩnh vực đất đai	8884	17	348	8519	8077	7827	250	807	705	102	7825	7036	219	570
4	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	19	0	7	12	15	14	1	4	0	4	9	9	0	0
5	Lĩnh vực tiếp công	2280	17	340	1923	1705	1646	59	575	464	111	205	144	7	54

	dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo														
6	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	400	0	6	394	394	394	0	6	6	0	390	388	0	2
7	Lĩnh vực lâm nghiệp	63	0	0	63	62	61	1	1	1	0	50	49	1	0
8	Lĩnh vực văn hóa - thể thao	2170	0	0	2170	2170	2170	0	0	0	0	75	75	0	0
9	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	10461	6	291	10164	9846	9771	75	615	601	14	9141	8667	49	425
10	Lĩnh vực người có công	3884	2	61	3821	3771	3771	0	113	113	0	3593	3488	5	100
11	Lĩnh vực giao thông	75	0	0	75	75	75	0	0	0	0	74	74	0	0
12	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực xây dựng	40	0	0	40	40	40	0	0	0	0	20	20	0	0
14	Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	1825	0	24	1801	1779	1779	0	46	46	0	1590	1584	0	6
15	Lĩnh vực nuôi con nuôi	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0

Biểu số 06g/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/6/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng
UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC).

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng	3.839		
I	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh	1370		
1	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	3	- Do xác minh hồ sơ; - Chờ ý kiến của cơ quan có liên quan. - Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông). - Do thời tiết không thuận lợi cho việc kiểm tra thực địa.	
2	Lĩnh vực tôn giáo	1		
3	Lĩnh vực hành nghề công chứng	2		
4	Lĩnh vực luật sư	7		
5	Lĩnh vực giám định tư pháp	1		
6	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	323		
7	Lĩnh vực dự án đầu tư	1		
8	Lĩnh vực đấu thầu	11		
9	Lĩnh vực đầu tư	60		
10	Lĩnh vực tin học và thống kê	35		
11	Lĩnh vực tài chính đầu tư	2		

12	Lĩnh vực quản lý giá và công sản	4		
13	Lĩnh vực thủy sản	2		
14	Lĩnh vực lâm nghiệp	1		
15	Lĩnh vực thủy lợi	1		
16	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	1		
17	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y	1		
18	Lĩnh vực đường thủy nội địa	2		
19	Lĩnh vực xây dựng	287		
20	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	11		
21	Lĩnh vực nhà ở và bất động sản	1		
22	Lĩnh vực đất đai	56		
23	Lĩnh vực khoáng sản	4		
24	Lĩnh vực môi trường	9		
25	Lĩnh vực tài nguyên nước	3		
26	Lĩnh vực in, xuất bản và phát hành	1		
27	Lĩnh vực việc làm - an toàn lao động	25		
28	Lĩnh vực người có công	479		
29	Lĩnh vực di sản văn hóa	1		
30	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	1		
31	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	3		

32	Lĩnh vực thể dục thể thao	1		
33	Lĩnh vực lễ hành	1		
34	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1		
35	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2		
36	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ	1		
37	Lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm	3		
38	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	16		
39	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2		
40	Lĩnh vực đầu tư	1		
41	Lĩnh vực tài nguyên môi trường	3		
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện	1847		
1	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	7		
2	Lĩnh vực tư pháp	6		
3	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	8		
4	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	40		
5	Lĩnh vực đất đai	1776		
6	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	5		
7	Lĩnh vực người có công	1		
8	Lĩnh tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	4		
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã	622		
1	Lĩnh vực hành chính tư pháp	4		

2	Lĩnh vực chứng thực	1		
3	Lĩnh vực đất đai	352		
4	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	5		
5	Lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo	170		
6	Lĩnh vực lâm nghiệp	1		
7	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	89		
